TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1066/2017/DS-PT
Ngày: 29/11/2017
Vv "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:
1/ Bà Đặng Huyền Phương
2/ Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 09 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án số 295/2017/DS-ST ngày 08/08/2017 của Toà án nhân dân quận I bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2434/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1974
Địa chỉ: đường K, phường H, quận I, TP. Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Diễm C, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: đường L, TT L1, huyện L2, tỉnh L3.
Địa chỉ liên lạc: đường M, phường M1, Quận M2, TP. Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố N1, phường H, quận I, TP. Hồ Chí Minh.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1951
Địa chỉ: đường K, phường H, quận I, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: đường O, phường O1, tỉnh L3.
Địa chỉ liên lạc: đường P, phường P1, Quận M2, TP. Hồ Chí Minh.
3.2. Bà Thái Thị G, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố N1, phường H, quận I, TP. Hồ Chí Minh.
4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc A; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị D

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Atrình bày:* Vào ngày 05/8/2014 bà và bà D, có đến gặp vợ chồng ông B, bà G để cầm cố 02 giấy đất trong đó 01 sổ đất vườn diện tích 171,3m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A và 01 sổ đất lúa tên Nguyễn Thị D diện tích 1.400,4m^2, cầm vay với số tiền 1.000.000.000 đồng lãi suất bằng 3%/tháng; sau đó bà A, bà D có trả lãi, nhưng từ ngày 05/9/2016 đến nay bà A, bà D không có trả vốn và lãi.

Đến ngày 20/4/2017, phía ông B và bà G có trả lại 01 giấy chứng nhận là sổ đất vườn diện tích 171,3m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A, để cho bà Avà bà D bán phần đất này, sau đó có trả được 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền vốn cho phía vợ chồng ông B bà G.

Nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà A và bà D chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 600.000.000đ, xin không trả lãi; Ngoài ra yêu cầu phía ông B, bà G trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 083081, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02292, cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 10/7/2007, có diện tích 1.400,4m^2 thửa số 511 tờ bản đồ số 06 tại phường H, quận I, để sau đó sẽ làm thủ tục vay tại Ngân hàng và trả tiền cho ông B, bà G.

** Tại lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông B trình bày:*

Vào ngày 05/8/2014 bà A và bà D, có đến gặp vợ chồng ông B, bà G để cầm cố 02 giấy đất trong đó 01 sổ đất vườn diện tích 171,3m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A và 01 sổ đất lúa tên Nguyễn Thị D diện tích 1.400,4m^2, cầm vay với số tiền 1.000.000.000 đồng lãi suất bằng 3%/tháng; sau đó bà A, bà D có trả lãi, nhưng từ ngày 05/9/2016 đến nay bà A, bà D không có trả vốn và lãi.

Đến ngày 20/4/2017, phía ông B và bà G có trả lại 01 giấy chứng nhận là sổ đất vườn diện tích 171,3m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A, để cho bà A và bà D bán phần đất này, sau đó trả được 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền vốn cho phía vợ chồng ông B bà G.

Do đó ông B và bà G yêu cầu bà A và bà D liên đới trả số tiền vốn còn lại là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); Yêu cầu tính lãi từ ngày 05/9/2016 đến ngày 20/4/2017 của số tiền 1.000.000.000đ và tính lãi từ ngày 21/4/2017 đến nay của số tiền 600.000.000đ; Ngoài ra ông B, bà G tự nguyện đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 083081 cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 10/7/2007. Việc trả tiền và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện cùng một lúc sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G trình bày:* Thống nhất với nội dung và yêu cầu của ông B.

** Bà Nguyễn Thị Ngọc A là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D*: Bà D trình bày thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà A.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Bà Avà bà D chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 600.000.000đ, xin không trả lãi; Yêu cầu phía ông B, bà G trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 083081, cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 10/7/2007.

- Ông B và bà G yêu cầu bà Avà bà D liên đới trả số tiền vốn còn lại là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 05/9/2016 đến ngày 20/4/2017 của số tiền 1.000.000.000đ và tính lãi từ ngày 21/4/2017 đến nay của số tiền 600.000.000đ; Ngoài ra tự nguyện trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A, bà D.

Bản án sơ thẩm tuyên xử:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên bố hủy Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 05/8/2014, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Hoàng Văn B;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A;

Buộc ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 083081, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02292, cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 10/7/2007, có diện tích 1.400,4m^2 thửa số 511 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại phường H, quận I, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G;

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G số tiền 680.178.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Việc trả tiền và trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện cùng một lúc;

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền;

Kể từ ngày ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà A, bà D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

+ Bà A, bà D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.207.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01449 ngày 17/11/2016 là 200.000 đồng; Nên bà A, bà D còn phải nộp tiếp là 31.007.000 đồng;

+ Ông B, bà G chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02297 ngày 23/3/2017 là 23.925.000 đồng; Nên ông B và bà G, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 23.725.000 đồng.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

bà A, bà D, ông B và bà G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ; ngày 22/8/3017 Tòa án nhân dân quận I nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị D, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ; Ngày 13/09/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày kháng nghị : Trong hồ sơ không có hợp đồng cầm cố, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và phản tố của bị đơn thì hai bên yêu cầu trả tiền vay và trả giấy tờ đất đã thế chấp. Do đó, về quan hệ tranh chấp xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" là chưa đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giao dịch dân sự của các bên đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 nay có tranh chấp, căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì phải áp dụng Bộ luật dân sự 33/2005/QH11 nhưng Tòa án nhân dân quận I áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án là không chính xác. Cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng cầm cố và hai bên thực hiện cùng lúc tại cơ quan thi hành án là chưa đúng pháp luật. Ngoài ra lãi suất do các bên thỏa thuận cao hơn lãi suất quy định nên cần thiết phải tính lại lãi suất để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Đề nghị chấp nhận kháng nghị số 51/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/09/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo – đại diện của bà Avà bà D trình bày :

Bà D không hề vay tiền của bị đơn tuy nhiên bản án sơ thẩm lại buộc bà Avà ba Na cùng liên đới trả nợ cho bị đơn là không có cơ sở, việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật, bản án lại quyết định việc trả tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm là không đúng. Do chúng tôi đã trả lãi một thời gian dài, đề nghị Tòa chấp nhận

cho chúng tôi được trả số vốn vay còn lại là 600.000.000 đồng, không tính lãi. Chúng tôi không yêu cầu tính lại số lãi đã trả.

Về thủ tục tố tụng:

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuy nhiên yêu cầu này đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm Khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng :

Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo :

Giao dịch xảy ra vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực, tuy nhiên cấp sơ thẩm lại căn cứ Bộ luật 2015 để giải quyết là không phù hợp. Nội dung tranh chấp là " tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cấp sơ thẩm xác định nội dung tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" là không chính xác đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo về thủ tục tố tụng, mặc dù yêu cầu phản tố của bị đơn đưa ra sau ngày họp công khai chứng cứ lần 1 – ngày 10/2/2017, Ngày 23/3/2017 bị đơn mới có đơn phản tố, tuy nhiên ngày 13/4/2017 và ngày 26/7/2017 Tòa án có tổ chức lại các phiên họp hòa giải kiểm tra và tiếp cận, công khai chứng cứ, do đó cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung tranh chấp,

Xét thấy các bên đã thực hiện giao dịch vay tài sản có mức lãi suất là 3%/ tháng là vượt quá quy định của Bộ luật dân sự 2005, để đảm bảo quyền lợi cho người vay lẽ ra phải tính lại số lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật, tuy nhiên bên nguyên đơn chỉ yêu cầu trả nợ gốc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh là có căn cứ tuy nhiên do sự tự nguyện của bà Alà chấp nhận trả 600.000.000 đồng không tính lãi suất nên đề nghị Hội Hồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 08/08/2017 Tòa án nhân dân quận I xét xử và tuyên bản án dân sự sơ thẩm 295/2017/DS-ST ngày 08/08/2017. Ngày 21 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ; ngày 22/8/3017 Tòa án nhân dân quận I nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị D, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ; Ngày 13/09/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo và kháng nghị còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo:

+ Tại phiên tòa sơ thẩm phía bà A, bà D và phía ông B, bà G cùng thống nhất với nhau là bà Avà bà D còn nợ ông B và bà G số tiền vốn là 600.000.000 đồng (ngoài ra chưa trả lãi từ ngày 05/9/2016 đến ngày 20/4/2017 đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và từ ngày 21/4/2017 đến nay đối với số tiền là 600000.000 đồng); tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày không chấp nhận cùng bà Aliên đới trả tiền cho ông B, xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2017 và tại biên bản phiên tòa sơ thẩm bà Avà bà D đồng ý trả tiền cho ông B, bà G đồng thời bà D cũng chấp nhận đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Athế chấp cho ông B thể hiện ý chí của bà D chấp nhận cùng trả tiền với bà Ado đó kháng cáo này của phía nguyên đơn là không có cơ sở .

Đối với nội dung kháng cáo về việc bản án sơ thẩm buộc trả tiền cùng lúc với việc trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D , xét thấy việc thế chấp giữa hai bên không tuân thủ quy định tại điều 341 Bộ luật dân sự 2005, do đó giao dịch này là vô hiệu, giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu là các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, bản án sơ thẩm nhận định cần buộc phía ông B trả lại giấy tờ ngay sau khi án có hiệu lực tuy nhiên phần quyết định lại tuyên việc trả lại giấy cùng lúc với việc trả tiền là có sự mâu thuẫn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, cần sửa lại án sơ thẩm, buộc bị đơn hoàn trả cho bà D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Giao dịch giữa hai bên xảy ra vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực, tuy nhiên cấp sơ thẩm lại căn cứ Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là không phù hợp. Quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" là không chính xác .

Đối với lãi suất : Theo lời khai và sự thừa nhận của các đương sự ngày 05/8/2014 ông Hoàng Văn B và bà Thái Thị G cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị D vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Như vậy thỏa thuận của các đương sự đã vượt quá quy định về lãi suất tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên cần phải điều chỉnh lại lãi, lãi suất được tính như sau :

- Lãi suất đối với số tiền 1.000.000.000 đồng từ ngày 5/8/2014 đến ngày 20/4/2017 là : 31 tháng 15 ngày x 0,75% x 150% x 1.000.000.000đ = 354.375.000 đ. (1)

- Lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 21/4/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (8/8/2017) là : 3 tháng 18 ngày x 0.75% x 150% x 600.000.000đ = 24.300.000 đồng (2)

Tuy nhiên ông B và bà G đã nhận được số tiền lãi từ ngày 5/8/2014 đến 5/8/2016 (24 tháng) đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là : 1.000.000.000 x 3% x 24 tháng = 720.000.000 đồng. (3)

Như vậy số tiền mà bà A, bà D đã trả vượt quá là (3) – (2) – (1) = 341.325.000 đồng.

Theo quy định, số tiền lãi vượt quá là 341.325.000 đồng cần trừ vào tiền gốc tuy nhiên do bên vay chỉ yêu cầu trả gốc do đó để đảm bảo quyền lợi của các bên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả gốc và lãi như yêu cầu phản tố của bị đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc chỉ trả 600.000.000 đồng tiền nợ gốc còn lại.

Do những nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

+ Bà A, bà D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) , nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01449 ngày 17/11/2016 là 200.000 đồng; Nên bà A, bà D còn phải nộp tiếp là 27.800.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng);

+ Ông B, bà G chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu không được chấp nhận là yêu cầu tính lãi từ ngày 5/9/2016 đến ngày 20/4/2017 đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 21/4/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm đối với số tiền 600.000.000 đồng. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

Lãi suất từ ngày 5/9/2016 đến ngày 20/4/2017 đối với số tiền 1.000.000.000 đồng là: 7 tháng 15 ngày x 0,75% x 150% x 1.000.000.000đ = 84.375.000 đồng. (4)

- Lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 21/4/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (8/8/2017) là : 3 tháng 18 ngày x 0.75% x 150% x 600.000.000đ = 24.300.000 đồng. (5)

Như vậy yêu cầu không được chấp nhận của ông B, bà G là : (4) + (5) = 108.675.000 đồng.

Ông B và bà G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 108.675.000 đồng là : 5.433.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền 23.925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02297 ngày 23/3/2017; Hoàn lại cho ông B và bà G số tiền 18.491.250 đồng.

[4] Án phí phúc thẩm :

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000996 ngày 28/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận I.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu số AA/2017/0001003 ngày 01/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận I.

Căn cứ những nhận định trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 341, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 ;
- Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị Của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần án sơ thẩm số 295/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân quận I.

1. Tuyên bố giao dịch cầm cố tài sản ngày 05/8/2014, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Hoàng Văn B là vô hiệu;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A;

Buộc ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 083081, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02292, cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 10/7/2007, có diện tích 1.400,4m^2 thửa số 511 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại phường H, quận I, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

3. Không Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G;

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày ông Hoàng Văn B, bà Thái Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị D chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà A, bà D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà A, bà D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) , nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01449 ngày 17/11/2016 là 200.000 đồng; Nên bà A, bà D còn phải nộp số tiền là 27.800.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng);

Ông B, bà G chịu án phí dân sự sơ thẩm là chịu án phí dân sự sơ thẩm là : 5.433.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02297 ngày 23/3/2017 là 23.925.000 đồng; Hoàn lại cho ông Hoàng Văn

B và bà Thái Thị G số tiền 18.491.250 đồng (Mười tám triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000996 ngày 28/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận I.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001003 ngày 01/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận I.

6. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Tuấn Vinh